

Bản án số: 188/2026/DS-ST
Ngày: 13-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Mé

Ông Nguyễn Thiện Tín

- Thư ký phiên tòa: Bà Biện Tiểu Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 624/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Bạch Thị Thanh T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ F ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà và bà Bạch Thị Thanh T1 có quen biết với nhau. Từ tháng 3 năm 2026 đến tháng 4 năm 2026, bà có cho bà T1 vay tiền nhiều lần, mỗi lần với số tiền khác nhau dưới 10 triệu đồng, chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng của bà T1, không tính lãi. Mỗi lần vay tiền, bà T1 đều hứa vài ngày sau sẽ thanh toán. Nhưng suốt thời gian vay tiền, bà T1 chưa thanh toán cho bà được bất kì khoản nào. Đến cuối tháng 4 năm 2026, bà và bà T1 tổng kết nợ, số tiền mà bà T1 còn nợ là 83.400.000 đồng. Bà T1 hứa sẽ thanh toán đủ nhưng vẫn không thanh toán. Đến ngày 11 tháng 5 năm 2026, bà và bà T1 thống nhất đến Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T2 ký Hợp đồng vay tài sản, có công chứng. Theo đó, số tiền vay là 83.400.000 đồng,

lãi suất vay là không có, ngày đến hạn thanh toán là ngày 30-5-2026. Tuy nhiên, đã hết thời hạn vay nhưng bà T1 vẫn không thanh toán cho bà, nên bà khởi kiện yêu cầu bà T1 phải thanh toán cho bà số tiền vốn gốc là 83.400.000 đồng. Khi nộp đơn khởi kiện bà có yêu cầu bà T1 phải trả lãi chậm trả từ ngày 31-5-2026 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, nay bà rút lại yêu cầu tính lãi, bà chỉ yêu cầu bà T1 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn gốc là 83.400.000 đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn – bà Bạch Thị Thanh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, bà T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà và xác nhận có nợ bà T số tiền là 83.400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã C, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Bạch Thị Thanh T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng vay tài sản ngày 11-5-2026 được ký kết giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị Kim T và bên vay là bà Bạch Thị Thanh T1, được công chứng tại Văn phòng C số 7688/2026/CCGD; căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim T và sự xác nhận của bà Bạch Thị Thanh T1, có cơ sở xác định: Bà Bạch Thị Thanh T1 có vay của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền là 83.400.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn thanh toán là ngày 30-5-2026. Qua đó, xác định giao dịch vay tài sản giữa bà T và bà T1 là hợp đồng vay có kỳ hạn, không lãi suất theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự. Bà T xác nhận hiện còn nợ bà T1 số tiền là 83.400.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Tuy nhiên đã quá thời hạn thanh toán thỏa thuận tại Hợp đồng vay tài sản ngày 11-5-2026 nhưng bà T1 vẫn chưa thanh toán cho bà T. Do đó, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu bà T1 thanh toán. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở, buộc bà T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền là 83.400.000 đồng. Về lãi suất chậm trả, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét xử.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15; các điều 463, 464, 465, 466, 470, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Bạch Thị Thanh T1.

Bà Bạch Thị Thanh T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền là 83.400.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Bạch Thị Thanh T1 phải chịu 4.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho bà Nguyễn Thị Kim T 2.085.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013335 ngày 11-6-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyễn Xuân An